

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
QUÝ IV NĂM 2021

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2021

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ IV NĂM 2021	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ IV NĂM 2021	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ IV NĂM 2021	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ IV NĂM 2021	5-21

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

ĐỒNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬN TẢI BIỂN
VINASHIP

Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ IV NĂM 2021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2021	NGÀY 01/01/2021
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		341.929.970.881	118.308.939.795
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	174.711.618.987	19.587.028.863
1 - Tiền	111		154.711.618.987	19.587.028.863
2 - Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	40.000.000.000	-
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.838.677.704	50.316.185.803
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	22.370.437.740	41.438.208.088
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.180.489.885	2.945.077.957
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	39.979.337.857	16.602.684.966
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.691.587.778)	(10.669.785.208)
IV - Hàng tồn kho	140		43.318.914.139	36.069.394.090
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	43.318.914.139	36.069.394.090
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		31.060.760.051	12.336.331.039
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.569.764.889	1.302.057.768
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.827.630.352	2.660.128.354
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	5.663.364.810	8.374.144.917
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		364.405.019.210	419.771.688.238
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		305.988.469.044	382.397.067.416
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	305.599.380.150	382.234.317.416
- Nguyên giá	222		1.389.694.814.964	1.380.591.718.478
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.084.095.434.814)	(998.357.401.062)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	389.088.894	162.750.000
- Nguyên giá	228		664.654.500	427.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(275.565.606)	(264.904.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	5.424.942.921	6.298.854.633
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	24.550.647.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.125.704.848)	(18.251.793.136)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1.030.015.564	819.936.291
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.030.015.564	819.936.291
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.121.679.205	9.336.924.005
1 - Đầu tư vào công ty con	251	V	5.000.000.000	5.000.000.000
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(415.749.320)	(1.661.544.520)
V - Tài sản dài hạn khác	260		46.839.912.476	20.918.905.893
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	46.839.912.476	20.918.905.893
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		706.334.990.091	538.080.628.033

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2021	NGÀY 01/01/2021
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		464.654.254.284	473.711.233.393
I - Nợ ngắn hạn	310		373.582.935.450	267.929.099.291
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	24.368.389.261	31.931.682.842
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		111.355.200	-
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	61.487.640	39.736.823
4 - Phải trả người lao động	314		30.696.658.922	10.298.366.582
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	912.500.990	819.484.408
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	31.072.272.120	194.338.523
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	154.559.321.386	47.121.385.826
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	130.767.814.831	175.849.069.187
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.033.135.100	1.675.035.100
II - Nợ dài hạn	330		91.071.318.834	205.782.134.102
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	9.874.262.994	46.518.236.602
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	81.197.055.840	159.263.897.500
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		241.680.735.807	64.369.394.640
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	241.680.735.807	64.369.394.640
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(41.251.986.047)	(218.563.327.214)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(80.705.528.709)	(219.860.726.730)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39.453.542.662	1.297.399.516
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		706.334.990.091	538.080.628.033


Lập ngày 10 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ IV NĂM 2021

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ IV	
			QUÝ IV NĂM 2021	QUÝ IV NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2020
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	213.024.702.247	135.929.884.046	804.603.456.700	505.668.929.152
2- Các khoản giảm trừ	02				-	
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	213.024.702.247	135.929.884.046	804.603.456.700	505.668.929.152
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	149.847.162.150	129.631.588.066	587.205.075.415	511.548.287.947
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		63.177.540.097	6.298.295.980	217.398.381.285	(5.879.358.795)
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	2.036.794.202	1.302.176.409	15.643.456.569	1.708.039.228
7- Chi phí tài chính	22	VI.29	5.610.943.255	7.008.786.420	22.829.685.559	22.963.348.156
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4.466.291.470	6.768.810.285	20.851.215.090	22.161.613.839
8- Chi phí bán hàng	25	VI.32	6.599.125.336	2.732.742.659	22.335.950.007	7.310.796.826
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	10.535.849.863	5.532.395.684	31.318.495.111	18.916.801.714
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)	30		42.468.415.845	(7.673.452.374)	156.557.707.177	(53.362.266.263)
11- Thu nhập khác	31	VI.30	296.800	9.061.136.623	24.769.179.974	55.311.607.354
12- Chi phí khác	32	VI.31	7.491.891	473.150.000	1.007.867.892	651.941.575
13- Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(7.195.091)	8.587.986.623	23.761.312.082	54.659.665.779
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		42.461.220.754	914.534.249	180.319.019.259	1.297.399.516
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.007.678.092	-	3.007.678.092	-
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		39.453.542.662	914.534.249	177.311.341.167	1.297.399.516
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.973	46	8.866	65
19- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

NGƯỜI LẬP

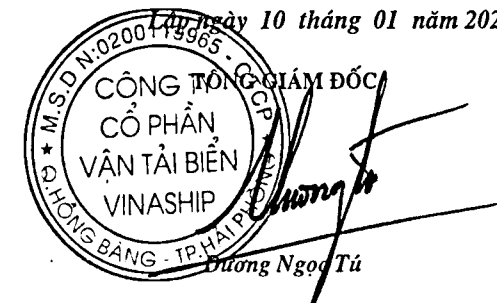


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ IV NĂM 2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2021	NĂM 2020
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		180.319.019.259	1.297.399.516
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		86.742.606.570	85.517.739.623
- Các khoản dự phòng	03		(1.223.992.630)	343.216.130
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.806.768.752)	(1.372.466.774)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.993.119.568)	(26.278.543.795)
- Chi phí lãi vay	06		20.851.215.090	22.161.613.839
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(24.767.043.813)	(28.924.269.056)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		248.121.916.156	52.744.689.483
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.294.897.668)	(1.634.608.989)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.249.520.049)	(1.535.410.856)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		42.038.269.009	(30.922.227.522)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(27.188.713.704)	1.411.453.238
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.959.741.449)	(8.170.657.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(641.900.000)	(576.612.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		222.825.412.295	11.316.626.230
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(7.317.431.932)	(4.101.467.618)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			26.241.181.818
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(80.000.000.000)	
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.000.000.000	
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(456.228.000)	(4.207.068.905)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.710.722.728	
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.200.076.840	37.361.977
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.862.860.364)	17.970.007.272
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	4.190.000.000	3.420.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(40.290.000.000)	(29.377.024.829)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(113.730.000)	(1.721.233.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(36.213.730.000)	(27.678.258.241)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ (50 = 20+30+40)	50		155.748.821.931	1.608.375.261
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60		19.587.028.863	18.012.704.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(624.231.807)	(34.051.017)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ (70 = 50+60+61)	70		174.711.618.987	19.587.028.863

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY IV NĂM 2021

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam sở hữu 51 %

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền,phường Minh Khai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 352 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2021 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế trong quý 4/2021 chứng kiến sự suy giảm mạnh về giá cước ở tất cả các phân khúc và khu vực. Hoạt động khai thác vận tải biển của công ty trong quý 4 gặp một số khó khăn so với quý 3. Sự suy giảm mạnh và đột ngột của thị trường cước khiến phần lớn người thuê tàu tạm dừng việc vận chuyển và có tâm lý chờ đợi diễn biến giảm sâu tiếp theo; áp lực cung vượt xa cầu khiến giá cước giảm sâu khoảng 20-25% và khó khăn trong việc chốt đơn hàng. Thêm vào đó, trong quý 4 công ty có 02 tàu lên đà sửa chữa lớn, khiến thời gian vận doanh của đội tàu giảm 60 ngày. Tuy nhiên, doanh thu Quý 4 năm 2021 vẫn tăng mạnh so với cùng kỳ dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao.

II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán quý IV : bắt đầu từ ngày 01/10 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2021 bắt đầu từ ngày 01/10/2021 đến 31/12/2021.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí , thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V- THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	529.296.000	877.587.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	154.182.322.987	18.709.441.863
- Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
Cộng	<u><u>174.711.618.987</u></u>	<u><u>19.587.028.863</u></u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	40.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.537.428.525	10.998.468.525
- <i>Đầu tư góp vốn vào công ty con</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
+ Góp vốn bằng tiền mặt	4.207.068.905	4.207.068.905
+ Góp vốn bằng tài sản cố định	620.639.567	620.639.567
+ Góp vốn bằng hàng tồn kho	172.291.528	172.291.528
- <i>Đầu tư cổ phiếu</i>	537.428.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 31/12/2021</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 0 CP	-	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 0 CP	-	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u><u>45.537.428.525</u></u>	<u><u>10.998.468.525</u></u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 0 CP	-	(1.138.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(415.749.320)	(523.544.520)
Cộng	<u><u>(415.749.320)</u></u>	<u><u>(1.661.544.520)</u></u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	1.699.469.734	2.103.407.139
- Cty CP Vận tải biển Hoàn Sơn	10.635.289.073	16.635.289.073
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	10.035.678.933	22.699.511.876
Cộng	<u><u>22.370.437.740</u></u>	<u><u>41.438.208.088</u></u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	3.718.115.529	3.555.507.911
- Ký cược, ký quỹ	21.369.000.000	2.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09-DN

- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	3.399.486.506	1.920.315.181
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	10.831.386	8.975.386
- Bảo hiểm xã hội	188.299.034	240.514.755
- Bảo hiểm thất nghiệp	29.615.504	34.809.950
- Phải thu khoản hỗ trợ thành phố trong việc bàn giao đất TM8	317.252.000	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
-Lãi dự thu	594.082.193	-
- Các khoản chi hộ	-	58.696.000
- Các khoản phải thu khác	26.212.718	455.422.796
+ Phải thu khác	26.212.718	455.422.796
Cộng	39.979.337.857	16.602.684.966
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 31/12/2021	Ngày 01/01/2021
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	124.864.880
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
-Nguyễn Văn Bình	370.500.000	370.500.000
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	-	298.824.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	88.033.050	-
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	-
Cộng	10.691.587.778	10.669.785.208
6- Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2021	Ngày 01/01/2021
- Nguyên liệu, vật liệu	43.318.914.139	36.069.394.090
Cộng	43.318.914.139	36.069.394.090
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 31/12/2021	Ngày 01/01/2021
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lò đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	938.058.364	727.979.091
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
Cộng	1.030.015.564	819.936.291

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2021

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1 . Số dư đầu kỳ		6.330.856.188	1.373.812.718.983	130.752.694	317.390.613	1.380.591.718.478
2 . Số tăng trong kỳ		-	9.103.096.486	-	-	9.103.096.486
Trong đó :						
- Do mua sắm			9.103.096.486			9.103.096.486
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3 . Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4 . Số cuối kỳ		6.330.856.188	1.382.915.815.469	130.752.694	317.390.613	1.389.694.814.964
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.239.945.900	79.547.405.317	100.752.694	284.881.522	83.172.985.433
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆ KẾ						
1 . Đầu kỳ		4.813.059.339	993.137.392.760	119.900.167	287.048.796	998.357.401.062
2 . Tăng trong kỳ		168.558.336	85.557.062.424	4.285.716	8.127.276	85.738.033.752
- Khấu hao		168.558.336	85.557.062.424	4.285.716	8.127.276	85.738.033.752
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3 . Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4 . Số cuối kỳ		4.981.617.675	1.078.694.455.184	124.185.883	295.176.072	1.084.095.434.814
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1 . Đầu kỳ		1.517.796.849	380.675.326.223	10.852.527	30.341.817	382.234.317.416
2 . Cuối kỳ		1.349.238.513	304.221.360.285	6.566.811	22.214.541	305.599.380.150
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			294.245.679.786			294.245.679.786

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình năm 2021

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	427.654.500	427.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	357.000.000	357.000.000
Trong đó :			
- Mua trong kỳ		357.000.000	357.000.000
3 . Số giảm trong kỳ	-	120.000.000	120.000.000
-Giảm khác		120.000.000	120.000.000
4 . Số cuối kỳ	-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	264.904.500	264.904.500
2 . Tăng trong kỳ	-	130.661.106	130.661.106
Do trích khấu hao		130.661.106	130.661.106
3 . Giảm trong kỳ	-	120.000.000	120.000.000
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
- Giảm khác		120.000.000	120.000.000
4 . Số cuối kỳ	-	275.565.606	275.565.606
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	162.750.000	162.750.000
2 . Cuối kỳ	-	389.088.894	389.088.894

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2021: Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư năm 2021

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	18.123.502.990	128.290.146	18.251.793.136
2 . Số tăng trong kỳ	873.911.712	-	873.911.712
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
- Do trích khấu hao	873.911.712		873.911.712
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	18.997.414.702	128.290.146	19.125.704.848
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	6.298.854.633	-	6.298.854.633
4 . Số dư cuối kỳ	5.424.942.921	-	5.424.942.921

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY ME

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.544.186.967	1.302.057.768
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	25.577.922	-
Cộng	<u><u>2.569.764.889</u></u>	<u><u>1.302.057.768</u></u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	46.821.579.143	20.873.072.560
- Chi phí trả trước dài hạn khác	18.333.333	45.833.333
Cộng	<u><u>46.839.912.476</u></u>	<u><u>20.918.905.893</u></u>
14- Vay và nợ thuê tài chính		
a) Vay ngắn hạn	<u>28.000.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	28.000.000.000	35.000.000.000
b) Vay dài hạn	<u>183.964.870.671</u>	<u>300.112.966.687</u>
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	102.767.814.831	140.849.069.187
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	31.097.000.000	46.805.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	71.670.814.831	94.044.069.187
-Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	81.197.055.840	159.263.897.500
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	25.713.450.000	39.105.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	55.483.605.840	120.158.447.500
Cộng	<u><u>211.964.870.671</u></u>	<u><u>335.112.966.687</u></u>
15- Phải trả người bán		
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
PT Indofuels Limited	-	7.301.624.629
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	5.577.825.000	3.015.430.000
Cty CP xuất nhập khẩu Kim Việt	3.107.559.450	-
Phải trả các đối tượng khác	15.683.004.811	21.614.628.213
Cộng	<u><u>24.368.389.261</u></u>	<u><u>31.931.682.842</u></u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế thu nhập cá nhân	61.487.640	39.736.823
Cộng	<u><u>61.487.640</u></u>	<u><u>39.736.823</u></u>
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	5.366.466.825	8.374.144.917
- Tiền thuê đất được giảm 30% trong năm 2021	296.897.985	-
- Các khoản khác phải thu của Nhà nước	-	-
Cộng	<u><u>5.663.364.810</u></u>	<u><u>8.374.144.917</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
17- Chi phí phải trả		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	136.990.990	217.453.269
- Chi phí phải trả khác	775.510.000	602.031.139
	<u>912.500.990</u>	<u>819.484.408</u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	221.038.600	210.872.772
- Kinh phí công đoàn	33.288.974	804.185.845
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	48.191.321	60.468.928
- Thuế TNCN	40.638.313	40.638.313
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.690.341.588	7.804.071.588
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.673.159.607	1.755.839.445
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	37.863.792.536	35.909.494.888
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	-	4.166.882.686
- Phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	14.292.310.093	8.449.400.696
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	23.571.482.443	23.293.211.506
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	106.389.790.051	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	567.080.396	535.814.047
Cộng	<u>154.559.321.386</u>	<u>47.121.385.826</u>
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	9.874.262.994	21.751.192.789
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	-	24.767.043.813
Cộng	<u>9.874.262.994</u>	<u>46.518.236.602</u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31.072.272.120	194.338.523
Cộng	<u>31.072.272.120</u>	<u>194.338.523</u>

20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu năm 2021**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2020				1.297.399.516	1.297.399.516
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640
-Lãi Quý I				3.177.246.034	3.177.246.034
-Lãi Quý II				65.860.366.740	65.860.366.740
- Lãi Quý III				68.820.185.731	68.820.185.731
- Lãi Quý IV				39.453.542.662	39.453.542.662
Số dư cuối ngày 31/12/2021	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(41.251.986.047)	241.680.735.807

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/03/2021</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
d) Cổ phiếu	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
đ) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	0	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<u>82.932.721.854</u>	<u>82.932.721.854</u>
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	6.530.523,26	635.852,58

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	804.603.456.700	505.668.929.152
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	791.131.334.690	401.082.429.814
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	13.472.122.010	104.586.499.338
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	<u>804.603.456.700</u>	<u>505.668.929.152</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	576.208.826.904	411.627.706.642
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	10.996.248.511	99.920.581.305
Cộng	<u>587.205.075.415</u>	<u>511.548.287.947</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.200.076.840	37.354.777
- Lãi bán cổ phiếu	9.793.042.728	
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	7.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.843.568.249	298.210.477
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.806.768.752	1.372.466.774
Cộng	<u>15.643.456.569</u>	<u>1.708.039.228</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Chi phí lãi vay	20.851.215.090	22.161.613.839
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.200.268.333	830.171.286
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.245.795.200)	(28.894.200)
- Chi phí tài chính khác	23.997.336	457.231
Cộng	<u>22.829.685.559</u>	<u>22.963.348.156</u>
30- Thu nhập khác		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	26.250.272.727
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	(9.090.909)
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	24.767.043.813	28.924.269.056
- Các khoản khác	2.136.161	146.156.480
Cộng	<u>24.769.179.974</u>	<u>55.311.607.354</u>
31- Chi phí khác		
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
-Tiền ủng hộ quỹ vaccin phòng dịch Covid 19	1.000.000.000	-
- Các khoản bị phạt	2.616.784	25.076.721
- Các khoản khác	5.251.108	626.864.854
Cộng	<u>1.007.867.892</u>	<u>651.941.575</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
a) Chi phí bán hàng	22.335.950.007	7.310.796.826
Hoa hồng phí cho các tàu	22.335.950.007	7.310.796.826
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.318.495.111	18.916.801.714
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.355.520.006	1.049.580.709
Chi phí nhân công	24.860.656.227	13.320.190.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	706.006.494	489.688.410
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	21.802.570	372.110.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.971.093.438	1.538.352.251
Chi phí khác bằng tiền	2.398.416.376	2.141.879.552
Cộng	53.654.445.118	26.227.598.540
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	Năm 2021	Năm 2020
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	255.031.834.160	151.705.418.224
- Nhiên liệu	236.679.591.015	141.184.587.458
- Nguyên liệu, vật liệu	18.352.243.145	10.520.830.766
33.2- Chi phí nhân công	98.895.850.126	82.144.168.342
- Tiền lương	85.813.012.404	67.011.121.493
- BHXH	4.810.112.902	5.710.772.354
- Bảo hiểm y tế	510.001.896	694.422.701
- Bảo hiểm thất nghiệp	201.997.642	326.562.048
- Kinh phí công đoàn	556.434.282	830.036.746
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	7.004.291.000	7.571.253.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.742.606.570	85.517.739.623
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.574.526.941	201.994.763.722
33.6- Chi phí khác bằng tiền	7.592.900.166	6.878.798.978
Cộng	640.837.717.963	528.240.888.889
34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.007.678.092	-

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2021	Năm 2020
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	4.190.000.000	3.420.000.000
- Tiền thu từ đi vay	4.190.000.000	3.420.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	40.290.000.000	29.377.024.829
- Tiền trả nợ gốc vay	40.290.000.000	29.377.024.829

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	3.189.293.204	2.494.652.913
Thu nhập của Tổng Giám đốc	475.080.530	469.350.375
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	7.179.066.588	7.179.066.588
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Doanh thu	-	-
- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	-
2.2 Với Công ty con - Cty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	<u>Ngày 31/12/2021</u>	<u>Ngày 01/01/2021</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.994.768	3.249.321
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	1.297.437.598
	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
- Doanh thu	66.781.302	6.571.690
- Mua hàng hóa, dịch vụ	4.379.378	3.040.351.927

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

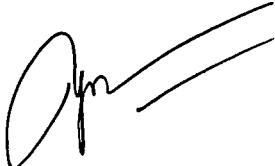
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho Quý IV năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý IV năm 2021	Năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2020
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	212.026.987.956	791.131.334.690	119.948.417.746	401.082.429.814
- Chi phí	166.505.575.825	629.863.272.022	122.426.299.899	437.855.305.182
- Lợi nhuận	45.521.412.131	161.268.062.668	(2.477.882.153)	(36.772.875.368)
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	997.714.291	13.472.122.010	15.981.466.300	104.586.499.338
- Chi phí	476.561.524	10.996.248.511	15.470.426.510	99.920.581.305
- Lợi nhuận	521.152.767	2.475.873.499	511.039.790	4.665.918.033
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	2.036.794.202	15.643.456.569	1.302.176.409	1.708.039.228
- Chi phí tài chính	5.610.943.255	22.829.685.559	7.008.786.420	22.963.348.156
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(3.574.149.053)	(7.186.228.990)	(5.706.610.011)	(21.255.308.928)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	296.800	24.769.179.974	9.061.136.623	55.311.607.354
- Chi phí hoạt động khác	7.491.891	1.007.867.892	473.150.000	651.941.575
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	(7.195.091)	23.761.312.082	8.587.986.623	54.659.665.779

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

